ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2229/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí năm học 2023 - 2024 cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 04/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông báo số 902/TB-ĐHYD ngày 09/8/2023 và Thông báo số 988/TB-ĐHYD ngày 25/8/2023 của trường Đại học Y Dược về việc thực hiện các chế độ chính sách học kỳ I, năm học 2023 - 2024 cho sinh viên;

Căn cứ kết luận của Hội đồng họp xét chế độ chính sách cho sinh viên ngày 05/10/2023;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí năm học 2023 - 2024 cho 616 sinh viên. Trong đó:

- Miễn 100%: 75 sinh viên
- Giảm 70%: 502 sinh viên
- Giảm 50%: 39 sinh viên

(Có danh sách và mức miễn giảm học phí đính kèm)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên, phòng Kế hoạch - Tài chính, Cố vấn học tập, các Phòng chức năng có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 2 (để thi hành);
- CNTT-TV (đăng website);
- Lưu VT, CT-HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Nguyễn Kiều Giang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo Quyết định số: 2229 /QĐ - ĐHYD ngày 09 tháng 10 năm 2023)

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
1	DTY2157203020013	Nguyễn Ngọc	Khánh	10/09/2003	Hộ sinh K1	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
2	DTY2157203020065	Đinh Thị Bảo	Ngọc	28/11/2003	Hộ sinh K1	Mường	Xã ĐBKK	70%	
3	DTY2157203020040	Lùng Thị	Thiêm	10/01/2003	Hộ sinh K1	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
4	DTY2357203020007	Ma Thị Ngọc	Ánh	25/6/2005	Hộ sinh K3	Tày	Xã ĐBKK	70%	
5	DTY2357203020039	Nguyễn Tú	Uyên	27/11/2005	Hộ sinh K3	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
6	DTY2057206010012	Lương Minh	Giang	07/06/2002	XNYH K4	Tày	Xã ĐBKK	70%	
7	DTY2057206010019	Chu Thị Thúy	Hường	29/04/2002	XNYH K4	Pà thẻn	Xã ĐBKK	100%	
8	DTY2057206010058	Trần Văn	Tùng	01/09/2002	XNYH K4	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	
9	DTY2157206010053	Phù Đức	Bảo	24/7/2003	XNYH K5	Pà thẻn	Xã ĐBKK	100%	
10	DTY2157206010065	Triệu Thị	Hảo	21/5/2003	XNYH K5	Dao	Xã ĐBKK	70%	
11	DTY2157206010080	Trương Thị	Lan	20/01/2003	XNYH K5	Dao	Xã ĐBKK	70%	
12	DTY2157206010099	Nông Thanh	Tú	01/01/2003	XNYH K5	Tày	Xã ĐBKK	70%	
13	DTY2157206010109	Hoàng Thị Hương	Trà	20/8/2003	XNYH K5	Tày	Xã ĐBKK	70%	
14	DTY2257206010008	Sùng Thị Minh	Châu	01/11/2004	XNYH K6	Mông	Xã ĐBKK	70%	
15	DTY2257206010014	Hà Nguyễn Phương	Dung	26/6/2003	XNYH K6	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
16	DTY2257206010013	Triệu Kim	Dung	03/4/2004	XNYH K6	Tày	Xã ĐBKK	70%	
17	DTY2257206010012	Triệu Minh	Đức	13/3/2004	XNYH K6	Tày	Vùng ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
18	DTY2257206010034	Lương Minh	Khải	29/01/2004	XNYH K6	Tày	Xã ĐBKK	70%	
19	DTY2257206010042	Nông Văn	Luyến	02/8/2004	XNYH K6	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
20	DTY2257206010063	Nông Thị Thu	Yến	16/02/2004	XNYH K6	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
21	DTY2357206010018	Bùi Văn	Khải	10/11/2005	XNYH K7	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
22	DTY2357206010031	Lò Thị	Sao	09/02/2005	XNYH K7	Thái	Xã ĐBKK	70%	
23	DTY2057203010197	Thào Thị	Oanh	22/8/2002	CNĐD K17B	Mông	Xã ĐBKK	70%	
24	DTY2057203010218	Giàng Thị	Sua	11/01/2002	CNĐD K17B	Mông	Xã ĐBKK	70%	
25	DTY2057203010063	Lê Ngọc	Hà	21/02/2002	CNĐD K17C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
26	DTY2057203010126	Diệp Thị Ngọc	Huyền	04/11/2002	CNĐD K17C	Sán dìu	Thôn ĐBKK	70%	
27	DTY2057203010086	Đường Minh	Hiếu	14/12/2001	CNĐD K17D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
28	DTY2057203010138	Nguyễn Thị Hương	Lan	16/09/2002	CNĐD K17D	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
29	DTY2057203010179	Hoàng Thị Kim	Ngân	01/3/2002	CNĐD K17D	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
30	DTY2057203010289	Hoàng Kim	Tuyến	20/03/2002	CNĐD K17D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
31	DTY2057203010242	Hoàng Thị	Thúy	03/01/2002	CNĐD K17D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
32	DTY2057203010087	Nguyễn Thị	Hoa	02/08/2002	CNĐD K17E	Kinh	Con BB 50%	100%	
33	DTY2057203010198	Phùng Tú	Oanh	18/04/2002	CNĐD K17E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
34	DTY2057203010243	Lê Thị Ngọc	Thúy	15/04/2002	CNĐD K17E	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
35	DTY2057203010236	Đào Thị Hoài	Thương	26/03/2002	CNĐD K17E	Kinh	Con TB 28%	100%	
36	DTY2057203010271	Lò Thị	Trang	16/10/2001	CNĐD K17E	Lự	Xã ĐBKK	100%	
37	DTY2057203010306	Sùng A	Xía	03/03/2002	CNĐD K17E	Mông	Xã ĐBKK	70%	
38	DTY2157203010469	Vũ Bích	Liên	17/07/2003	CNĐD K18A	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
39	DTY2157203010484	Lò Văn	Linh	06/9/2003	CNĐD K18A	Thái	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
40	DTY2157203010608	Chang A	Súa	01/10/2003	CNĐD K18A	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
41	DTY2157203010214	Trương Ngọc	Ánh	21/01/2003	CNĐD K18B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
42	DTY2157203010215	Lục Mùi	Chua	16/9/2003	CNĐD K18B	Dao	Xã ĐBKK	70%	
43	DTY2157203010123	Trần Thị	Ngân	12/3/2003	CNĐD K18B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
44	DTY2157203010156	Lầu Thị	Tà	10/04/2003	CNĐD K18B	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
45	DTY2157203010677	Lường Thị Ngọc	Thủy	22/06/2003	CNĐD K18B	Thái	Xã ĐBKK	70%	
46	DTY2157203010181	Hoàng Thu	Trà	26/8/2003	CNĐD K18B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
47	DTY2157203010257	Hoàng Thị	Trinh	15/7/2002	CNĐD K18B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
48	DTY2157203010301	Lành Thị Kiều	Băng	25/8/2003	CNĐD K18C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
49	DTY2157203010344	Vàng Thị	Đi	05/02/2003	CNĐD K18C	Lự	Thôn ĐBKK	100%	
50	DTY2157203010402	Hoàng Mai	Hòa	06/5/2003	CNĐD K18C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
51	DTY2157203010418	Sầm Thu	Huệ	12/11/2003	CNĐD K18C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
52	DTY2157203010424	Hoàng Thị Thanh	Huyền	20/01/2002	CNĐD K18C	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
53	DTY2157203010447	Trần Việt	Hương	06/10/2003	CNĐD K18C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
54	DTY2157203010715	Hứa Phương	Uyên	30/10/2003	CNĐD K18C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
55	DTY2157203010720	Lài Thị Thanh	Vân	13/8/2003	CNĐD K18C	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
56	DTY2157203010351	Bá Hương	Giang	18/8/2003	CNĐD K18D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
57	DTY2157203010425	La Thị Khánh	Huyền	08/4/2003	CNĐD K18D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
58	DTY2157203010435	Nguyễn Thu	Huyền	22/4/2003	CNĐD K18D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
59	DTY2157203010445	Lưu Thị	Hương	16/12/2003	CNDĐ K18D	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
60	DTY2157203010559	Hoàng Thị Bích	Ngọc	06/11/2003	CNĐD K18D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
61	DTY2157203010659	Lương Đình	Thi	08/01/2003	CNĐD K18D	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
62	DTY2157203010310	Đàm Linh	Chi	18/11/2003	CNĐD K18E	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
63	DTY2157203010528	Hoàng Thị Hồng	Mến	13/01/2003	CNĐD K18E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
64	DTY2157203010555	Bùi Thúy	Ngọc	22/10/2003	CNĐD K18E	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
65	DTY2257203010037	Hoàng Thị	Điểm	23/10/2004	CNĐD K19A	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
66	DTY2257203010065	Lường Thị Mai	Hiên	21/05/2004	CNĐD K19A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
67	DTY2257203010141	Nguyễn Phương	Nam	16/11/2004	CNĐD K19A	Kinh	Con TB 46%	100%	
68	DTY2257203010205	Vũ Liên	Thảo	28/11/2004	CNĐD K19A	Kinh	Con thương binh 2	100%	
69	DTY2257203010207	Lương Diệu	Thi	10/01/2004	CNĐD K19A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
70	DTY2257203010026	Lù Đức	Bằng	15/11/2004	CNĐD K19B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
71	DTY2257203010036	Xu Sơn	Dê	18/01/2004	CNĐD K19B	Hà Nhì	Xã ĐBKK	70%	
72	DTY2257203010038	Nguyễn Phương	Diễn	21/08/2004	CNĐD K19B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
73	DTY2257203010106	Lò Thị	Linh	26/02/2004	CNĐD K19B	Thái	Xã ĐBKK	70%	
74	DTY2257203010039	Dương Huyền	Dịu	15/01/2004	CNĐD K19C	Tày	Con TB 45%	100%	
75	DTY2257203010067	Bùi Thị Mai	Hoa	09/01/2004	CNĐD K19C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
76	DTY2257203010079	Vừ A	Hùng	02/09/2004	CNĐD K19C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
77	DTY2257203010163	Triệu Hoài	Nhân	26/02/2004	CNĐD K19C	Dao	Xã ĐBKK	70%	
78	DTY2257203010171	Trần Đăng	Oanh	23/05/2004	CNĐD K19C	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
79	DTY2257203010168	Lò Phương	Oanh	09/08/2004	CNĐD K19C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
80	DTY2357203010034	Lò Thị Nhật	Ánh	02/11/2005	CNĐD K20A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
81	DTY2357203010052	Lò Văn	Đông	01/11/2005	CNĐD K20A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
82	DTY2357203010181	Lường Ngọc	Mai	24/12/2005	CNĐD K20A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
83	DTY2357203010307	Tòng Thị	Yến	28/05/2005	CNĐD K20A	Thái	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
84	DTY2357203010304	Hoàng Hải	Yến	11/02/2005	CNĐD K20A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
85	DTY2357203010113	Lò Thị	Hồng	06/06/2005	CNĐD K20B	Thái	Xã ĐBKK	70%	
86	DTY2357203010119	Trần Kim	Huệ	26/03/2005	CNĐD K20B	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
87	DTY2357203010221	Hờ Thị	Nung	18/08/2005	CNĐD K20B	Mông	Xã ĐBKK	70%	
88	DTY2357203010242	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20/02/2005	CNĐD K20B	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
89	DTY2357203010275	Ma Thị Thu	Thùy	13/07/2005	CNĐD K20B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
90	DTY2357203010302	Hoàng Thị	Xuyến	17/07/2005	CNĐD K20B	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
91	DTY2357203010036	Trương Thị	Ánh	09/09/2005	CNĐD K20C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
92	DTY2357203010048	Bùi Thị Thu	Diệp	03/11/2005	CNĐD K20C	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
93	DTY2357203010165	Nguyễn Thị Phương	Linh	26/02/2005	CNĐD K20C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
94	DTY2357203010180	Hoàng Thị Tuyết	Mai	13/07/2005	CNĐD K20C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
95	DTY2357203010288	Sùng A	Tùng	12/12/2005	CNĐD K20C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
96	DTY2357203010291	Lò Thị Kim	Tuyết	09/10/2005	CNĐD K20C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
97	DTY2357203010273	Mạc Hoàng Yến	Thương	17/10/2005	CNĐD K20C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
98	DTY2357203010282	Nguyễn Thị Thu	Trang	14/04/2005	CNĐD K20C	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
99	DTY2357203010294	Giàng Thị	Vân	20/03/2005	CNĐD K20C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
100	DTY18K7201010001	Nguyễn Vĩnh	An	19/12/1989	LTY K50A	Kinh	Con NNCĐHH	100%	LT. CQ
101	DTY18K7201010011	Lê Quảng	Đại	07/7/1997	LTY K50A	Kinh	Con thương binh	100%	LT. CQ
102	DTY1957201010337	Lò Văn	Phương	01/10/1994	LTY K51	Thái	Xã ĐBKK	70%	LT. CQ
103	DTY20K7201010024	Trần Thị Ngân	Giang	01/11/1985	LTY K52A	Kinh	Con NHCSNTB	100%	LT. CQ
104	DTY20K7201010135	Triệu Thị Bích	Thùy	15/02/1997	LTY K52A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	LT. CQ
105	DTY21K7201010087	Lê Quang	Hào	19/4/1991	LTY K53B	Kinh	Con TB 71%	100%	LT. CQ

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
106	DTY21K7201010242	Nguyễn Văn	Tuệ	10/10/1985	LTY K53B	Kinh	Con bệnh binh 61%	100%	LT. CQ
107	DTY21K7201010070	Hoàng Văn	Đức	04/10/1993	LTY K53C	Kinh	SV khuyết tật	100%	LT. CQ
108	DTY21K7201010098	Ngụy Văn	Hoạch	17/3/1990	LTY K53C	Kinh	Con TB 46%	100%	LT. CQ
109	DTY21K7201010091	Nguyễn Ngọc	Hiến	08/5/1987	LTY K53C	Kinh	Con TB	100%	LT. CQ
110	DTY21K7201010246	Nguyễn Thanh	Tùng	25/6/1981	LTY K53C	Kinh	Con người NCĐHI	100%	LT. CQ
111	DTY21K7201010117	Lê Thanh	Hường	01/12/1989	LTY K53D	Kinh	Con người NCĐHI	100%	LT. CQ
112	DTY22K7201010049	Lường Văn	Hoài	15/12/1992	LTY K54B	Thái	Xã ĐBKK	70%	LT. CQ
113	DTY22K7201010151	Phan Đức	Lực	25/10/1982	LTY K54C	Kinh	Con TB 25%	100%	LT. CQ
114	DTY21K7201010225	Lê Năng Trung	Tiến	12/12/1991	LTY K54C	Kinh	Con người TNLĐ	50%	LT. CQ
115	DTY22K7202010014	Trương Thị	Hiền	01/01/1993	LTD K22	Kinh	Con TB	100%	LT. CQ
116	DTY1957202010065	Lò Văn	Hiệp	01/11/2001	Dược K15A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
117	DTY1957202010109	Quàng Thị	Kim	08/11/2001	Dược K15A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
118	DTY1957202010115	Dương Xuân	Liêm	12/01/2001	Dược K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
119	DTY1957202010134	Mạc Thị	Mến	14/7/2000	Dược K15A	Kinh	SV khuyết tật	100%	
120	DTY1957202010138	Phạm Trà	My	28/12/2001	Dược K15A	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
121	DTY1957202010182	Vũ Thu	Trà	20/12/2001	Dược K15A	Kinh	SV khuyết tật	100%	
122	DTY1957202010212	Đinh Thiện	Xuân	12/01/2001	Dược K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
123	DTY1957202010213	Nguyễn Đào Ngọc	Yến	12/5/2001	Dược K15A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
124	DTY1957202010007	Trần Ngọc	Anh	23/5/2001	Dược K15B	Kinh	Con BB 89%	100%	
125	DTY1957202010063	Nguyễn Thu	Hiền	28/5/2001	Dược K15B	Kinh	Con TB 41%	100%	
126	DTY1957202010111	Hoàng Quỳnh	Lan	12/04/2001	Dược K15B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
127	DTY1957202010117	Nông Thị Kiều	Linh	03/7/2001	Dược K15B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
128	DTY1957202010166	Lê Quang	Sự	09/8/2001	Dược K15B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
129	DTY1957202010201	Triệu Minh	Tuấn	24/7/2001	Dược K15B	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
130	DTY1957202010058	Cứ Thị	Hạnh	17/3/2001	Dược K15C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
131	DTY1957202010069	Lê Minh	Hiếu	08/3/2001	Dược K15C	Kinh	Con TB 61%	100%	
132	DTY1957202010070	Lăng Khánh	Hiệu	14/02/2001	Dược K15C	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
133	DTY1957202010154	Lò Thị Kim	Oanh	14/4/2001	Dược K15C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
134	DTY1957202010202	Lương Sơn	Tùng	01/06/2001	Dược K15C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
135	DTY1957202010192	Tô Thị	Trang	10/10/2001	Dược K15C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
136	DTY2057202010025	Cầm Linh	Chi	22/08/2002	Dược K16A	Thái	Thôn ĐBKK	70%	
137	DTY2057202010101	Lầu Thị Quỳnh	Hoa	30/11/2002	Dược K16A	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
138	DTY2057202010134	Bùi Ngọc	Huyền	07/05/2002	Dược K16A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
139	DTY2057202010012	Trần Tuấn	Anh	20/08/2002	Dược K16B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
140	DTY2057202010034	Mùa Thị	Của	16/08/2002	Dược K16B	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
141	DTY2057202010038	Lã Như	Diễm	05/01/2002	Dược K16B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
142	DTY2057202010095	Trần Trung	Hiếu	03/02/2002	Dược K16B	Kinh	Con người HĐKC	100%	
143	DTY2057202010158	Tống Thọ	Lộc	11/05/2002	Dược K16B	Kinh	Con TB 25%	100%	
144	DTY2057202010161	Hoàng Thị	Ly	09/12/2002	Dược K16B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
145	DTY2057202010230	Phan Thị Thúy	Thanh	10/02/2002	Dược K16B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
146	DTY2057202010073	Lê Quang	Hải	14/01/2002	Dược K16C	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
147	DTY2057202010082	Hoàng Thị	Hạnh	26/12/2002	Dược K16C	Kinh	Con TB 41%	100%	
148	DTY2057202010087	Bàn Thị	Hậu	17/09/2002	Dược K16C	Dao	Xã ĐBKK	70%	
149	DTY2057202010263	Lê Minh	Toàn	15/05/2001	Dược K16C	Kinh	Con người TNLĐ	50%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
150	DTY2057202010242	Lăng Thị	Thảo	01/07/2002	Dược K16C	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
151	DTY2057202010295	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/03/2002	Dược K16D	Kinh	Con TB 45%	100%	
152	DTY2157202010096	Ngô Việt	Đức	30/8/2003	Dược K17A	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	
153	DTY2157202010135	Vi Quang	Huy	21/12/2003	Dược K17A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
154	DTY2157202010226	Mông Thị	Phòng	16/08/2003	Dược K17A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
155	DTY2157202010255	Sình A	Súa	19/3/20023	Dược K17A	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
156	DTY2157202010273	Nguyễn Hoàng Thu	Thảo	21/02/2003	Dược K17A	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
157	DTY2157202010304	Lò Văn	Trường	19/10/2002	Dược K17A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
158	DTY2157202010008	Hà Hương	Dịu	10/3/2003	Dược K17B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
159	DTY2157202010160	Mùa Thị	Liên	25/6/2003	Dược K17B	Mông	Xã ĐBKK	70%	
160	DTY2157202010213	Lù Thị	Nguyệt	01/9/2003	Dược K17B	Thái	Thôn ĐBKK	70%	
161	DTY2157202010268	Nguyễn Minh	Thái	21/6/2003	Dược K17B	Kinh	Con TB 38%	100%	
162	DTY2157202010286	Lường Thị Thu	Thủy	22/01/2003	Dược K17B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
163	DTY2157202010043	Dương Thu	Thanh	12/7/2003	Dược K17C	Kinh	SV khuyết tật	100%	
164	DTY2257202010039	Đỗ Thị Hồng	Dịu	28/02/2004	Dược K18A	Kinh	Con NHCSNTB	100%	
165	DTY2257202010099	Trần Thu	Hương	03/03/2003	Dược K18A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
166	DTY2257202010231	Nông Bế Quốc	Tú	01/09/2003	Dược K18A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
167	DTY2257202010207	Lò Thị	Thiết	14/04/2004	Dược K18A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
168	DTY2257202010228	Vàng A	Trình	05/02/2003	Dược K18A	Mông	Xã ĐBKK	70%	
169	DTY2257202010103	Hoàng Thanh	Huyền	12/10/2004	Dược K18B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
170	DTY2257202010115	Hoàng Thị Hương	Lan	13/10/2003	Dược K18B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
171	DTY2257202010154	Vũ Thảo	Ngân	23/10/2004	Dược K18B	Kinh	Con TB 98%	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
172	DTY2257202010193	Lưu Trọng	Tấn	12/06/2004	Dược K18B	Nùng	Vùng ĐBKK	70%	
173	DTY2257202010208	Bế Hoài	Thu	20/02/2004	Dược K18B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
174	DTY2257202010214	Phí Thanh	Thúy	16/08/2004	Dược K18B	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
175	DTY2257202010083	Triệu Thị	Hòa	22/3/2003	Dược K18C	Dao	Xã ĐBKK	70%	
176	DTY2257202010107	Phan Khánh	Huyền	12/11/2004	Dược K18C	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
177	DTY2257202010131	Hoàng Tiến	Lộc	13/04/2004	Dược K18C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
178	DTY2257202010182	Bùi Minh	Quân	12/02/2004	Dược K18C	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
179	DTY2257202010206	Đinh Cao	Thiên	01/06/2004	Dược K18C	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
180	DTY2357202010001	Hoàng Thị	An	05/07/2005	Dược K19A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
181	DTY2357202010031	Nông Thị	Chiều	26/12/2005	Dược K19A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
182	DTY2357202010046	Hoàng Tiến	Dũng	14/10/2005	Dược K19A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
183	DTY2357202010052	Nông Ngọc An	Duyên	31/08/2005	Dược K19A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
184	DTY2357202010064	Phạm Thị	Hằng	11/06/2005	Dược K19A	Nùng	Vùng ĐBKK	70%	
185	DTY2357202010202	Sùng Thị Thu	Trang	19/05/2005	Dược K19A	Mông	Vùng ĐBKK	70%	
186	DTY2357202010134	Linh Quỳnh	Nga	01/02/2005	Dược K19B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
187	DTY2357202010080	Hoàng Thị Duyên	Hồng	02/10/2005	Dược K19B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
188	DTY2357202010086	Vi Thị	Hưởng	27/05/2005	Dược K19B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
189	DTY2357202010098	Triệu Thị	Lệ	05/05/2005	Dược K19B	Dao	Xã ĐBKK	70%	
190	DTY2357202010033	Hạng Thị	Công	10/09/2005	Dược K19C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
191	DTY2357202010042	Đoàn Thị Mỹ	Đình	26/12/2005	Dược K19C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
192	DTY2357202010102	Hạng Thị Ngọc	Linh	30/03/2005	Dược K19C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
193	DTY2357202010135	Sùng Thị	Nga	19/01/2005	Dược K19C	Mông	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
194	DTY2357202010138	Hoàng Hà	Ngân	22/08/2005	Dược K19C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
195	DTY2357202010150	Đinh Bạch	Nhất	16/10/2005	Dược K19C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
196	DTY1757206010007	Bùi Đức	Kiên	23/4/1999	RHM K10	Mường	Con người TNLĐ	50%	
197	DTY1857205010015	Bùi Thị	Huyền	25/08/2000	RHM K11	Mường	Xã ĐBKK	70%	
198	DTY1857205010027	Dương Thị Phương	Thảo	09/10/2000	RHM K11	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
199	DTY1857205010034	Lù Thị	Vênh	12/11/2000	RHM K11	Mông	Xã ĐBKK	70%	
200	DTY1957205010033	Vũ Thị Ánh	Thùy	07/4/2001	RHM K12	Mường	Xã ĐBKK	70%	
201	DTY2057205010008	Lương Thị	Cờ	25/08/2002	RHM K13	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
202	DTY2057205010025	Lò Thị Thanh	Hoa	25/05/2002	RHM K13	Thái	Xã ĐBKK	70%	
203	DTY2057205010036	Bàn Thu	Liễu	30/04/2002	RHM K13	Dao	Xã ĐBKK	70%	
204	DTY2057205010040	Lương Thùy	Linh	24/10/2002	RHM K13	Tày	Xã ĐBKK	70%	
205	DTY2057205010079	Vương Thị Diệu	Linh	04/06/2001	RHM K13	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
206	DTY2057205010052	Sân Thị	Oanh	04/12/2002	RHM K13	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
207	DTY2057205010062	Nguyễn Tiến	Thành	22/05/2002	RHM K13	Tày	Xã ĐBKK	70%	
208	DTY2057205010068	Đàm Thị	Thủy	20/04/2002	RHM K13	Tày	Xã ĐBKK	70%	
209	DTY2057205010066	Nguyễn Vũ Anh	Thư	07/06/2002	RHM K13	Tày	Xã ĐBKK	70%	
210	DTY2057205010067	Luân Thị Nhật	Thương	29/09/2002	RHM K13	Tày	Xã ĐBKK	70%	
211	DTY2057205010074	Hoàng Quý	Trung	26/08/2002	RHM K13	Tày	Xã ĐBKK	70%	
212	DTY2157205010034	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	16/12/2002	RHM K14A	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
213	DTY2157205010009	Nông Thị	Hợp	27/9/2003	RHM K14A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
214	DTY2157205010086	Vi Thị Thu	Ngần	12/12/2003	RHM K14A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
215	DTY2157205010098	Nguyễn Thị	Tuyết	07/3/2003	RHM K14A	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
216	DTY2157205010044	Nguyễn Chí	Công	03/5/1985	RHM K14B	Kinh	Con BB 61%	100%	
217	DTY2157205010035	Lê Diệp	Linh	30/5/2002	RHM K14B	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
218	DTY2157205010039	Cứ A	Mông	05/6/2002	RHM K14B	Mông	Xã ĐBKK	70%	
219	DTY2157205010089	Lê Hồng	Nhung	02/10/2003	RHM K14B	Kinh	Con nuôi TB 81%	100%	
220	DTY2257205010001	Hồ Thị Phương	Anh	13/09/2004	RHM K15	Kinh	Con TB 1/4	100%	
221	DTY2257205010004	Ngô Phương	Anh	22/06/2003	RHM K15	Tày	Xã ĐBKK	70%	
222	DTY2257205010005	Vi Tuấn	Anh	08/08/2003	RHM K15	Thái	Xã ĐBKK	70%	
223	DTY2257205010007	Trần Gia	Bảo	20/4/2003	RHM K15	Pa Hy	Xã ĐBKK	70%	
224	DTY2257205010009	Kiều Thị	Chi	10/03/2004	RHM K15	Tày	Xã ĐBKK	70%	
225	DTY2257205010012	Lục Thị	Diện	20/01/2003	RHM K15	Giáy	Vùng ĐBKK	70%	
226	DTY2257205010018	Dương Thị	Hằng	18/01/2004	RHM K15	Cao lan	Xã ĐBKK	70%	
227	DTY2257205010037	Quàng Thị	Mơ	26/03/2004	RHM K15	Thái	Xã ĐBKK	70%	
228	DTY2257205010040	Đặng Thị Linh	Ngọc	18/08/2004	RHM K15	Tày	Xã ĐBKK	70%	
229	DTY2257205010042	Dương Thị Thảo	Nguyên	01/08/2004	RHM K15	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
230	DTY2257205010064	Nguyễn Minh	Phương	07/06/2003	RHM K15	Tày	Xã ĐBKK	70%	
231	DTY2257205010057	Lò Văn	Tuân	15/06/2004	RHM K15	Thái	Xã ĐBKK	70%	
232	DTY2257205010054	Vi Thị Anh	Thư	08/02/2004	RHM K15	Tày	Xã ĐBKK	70%	
233	DTY2357205010005	Lang Thị	Chuyền	18/08/2004	RHM K16	Thái	Xã ĐBKK	70%	
234	DTY2357205010043	Nguyễn Thị	Nga	28/06/2005	RHM K16	Thái	Xã ĐBKK	70%	
235	DTY2357205010066	Lý Thị Thảo	Vân	15/02/2004	RHM K16	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
236	DTY1757201030021	Nguyễn Đức	Mạnh	12/10/1999	YHDP K11	Kinh	Con TB 41%	100%	
237	DTY1857201100002	Thao Văn	Cấu	13/4/1996	YHDP K12	Mông	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
238	DTY1957201100002	Nguyễn Đức	Dũng	17/01/1999	YHDP K13	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
239	DTY2057201100018	Ma Thị	Hằng	27/03/2001	YHDP K14	Tày	Xã ĐBKK	70%	
240	DTY2057201100035	Nguyễn Danh	Luân	23/08/2002	YHDP K14	Kinh	Con nuôi BB 65%	100%	
241	DTY2057201100036	Hoàng Ngọc	Mai	11/10/2002	YHDP K14	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
242	DTY2057201100051	Lò Văn	Tân	05/11/2001	YHDP K14	Thái	Xã ĐBKK	70%	
243	DTY2057201100069	Trần Quang	Tuấn	28/6/2002	YHDP K14	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
244	DTY2057201100066	Nguyễn Xuân	Trường	10/02/2002	YHDP K14	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
245	DTY2257201100020	Lương Đình	Hiệp	06/03/2004	YHDP K16	Tày	Xã ĐBKK	70%	
246	DTY2257201100021	Quàng Thu	Hòa	07/08/2004	YHDP K16	Thái	Thôn ĐBKK	70%	
247	DTY2257201100080	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	03/11/2004	YHDP K16	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
248	DTY2257201100035	Trần Thùy	Linh	19/11/2004	YHDP K16	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
249	DTY2257201100040	Dương Thị Trà	My	04/11/2004	YHDP K16	Tày	Xã ĐBKK	70%	
250	DTY2257201100049	Nguyễn Bùi An	Quyên	07/05/2004	YHDP K16	Tày	Con NNCĐHH	100%	
251	DTY2257201100056	Đặng Phương	Thảo	12/10/2003	YHDP K16	Kinh	Con TB 27%	100%	
252	DTY2257201100075	Thào Việt	Vinh	04/05/2004	YHDP K16	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
253	DTY2357201100064	Ma Văn	Trà	31/01/2005	YHDP K17	Tày	Xã ĐBKK	70%	
254	DTY2357201100070	Nguyễn Thị Hồng	Vân	19/02/2005	YHDP K17	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
255	DTY1757201010217	Ngôn Thị Trà	My	26/10/1999	K50C	Tày	Con TB 66%	100%	
256	DTY1757201010299	Giàng Mai	Sơn	26/3/1998	K50G	Mông	Xã ĐBKK	70%	
257	DTY1857201010128	Ma Văn	Hùng	27/07/1996	K51A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
258	DTY1857201010149	Vi Quang	Huy	05/6/1999	K51A	Thái	Thôn ĐBKK	70%	
259	DTY1857201010166	Hứa Thị Ngọc	Lan	24/11/2000	K51A	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
260	DTY1857201010200	Nguyễn Thị	Mai	16/01/1999	K51A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
261	DTY1857201010240	Nguyễn Văn	Phúc	23/6/2000	K51A	Kinh	SV khuyết tật	100%	
262	DTY1857201010349	Nông Thị	Tuyết	28/7/2000	K51A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
263	DTY1857201010290	Vũ Thị	Thoa	09/4/1999	K51A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
264	DTY1857201010302	Vi Thị	Thương	30/9/1999	K51A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
265	DTY1857201010015	Nguyễn Tú	Anh	19/11/2000	K51B	Kinh	Con người MBNN	50%	
266	DTY1857201010055	Hà Phương	Dung	12/12/1999	K51B	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
267	DTY1857201010094	Hoàng Thị	Hằng	14/7/2000	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
268	DTY1857201010124	Bàn Thị Minh	Huế	18/01/2000	K51B	Dao	Thôn ĐBKK	70%	
269	DTY1857201010151	Trần Thị	Huyền	07/02/1999	K51B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
270	DTY1857201010204	Nguyễn Hà	Mai	15/02/2000	K51B	Thái	Thôn ĐBKK	70%	
271	DTY1857201010272	Nguyễn Văn	Thắng	04/11/2000	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
272	DTY1857201010328	Phan Thu	Trang	22/4/1999	K51B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
273	DTY1857201010358	Hà Thị	Việt	05/5/2000	K51B	Hoa	Xã ĐBKK	70%	
274	DTY1857201010012	Nguyễn Phương	Anh	30/7/2000	K51C	Kinh	Con TB 41%	100%	
275	DTY1857201010036	Nguyễn Thị	Chẩm	06/5/2000	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
276	DTY1857201010103	Trần Thị Phương	Hoa	04/01/2000	K51C	Kinh	Con TB 32%	100%	
277	DTY1857201010108	Đàm Thị Thu	Hoài	08/3/1999	K51C	Cao lan	Con người TNLĐ	50%	
278	DTY1857201010172	Nguyễn Ngô Thùy	Linh	20/7/2000	K51C	Tày	Vùng ĐBKK	70%	
279	DTY1857201010249	Lê Trí	Quang	11/11/1999	K51C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
280	DTY1857201010342	Bế Nhật	Tuấn	22/4/1999	K51C	Tày	Con TB 51%	100%	
281	DTY1857201010300	Hoàng Thị	Thương	17/02/1998	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
282	DTY1857201010329	Vương Huyền	Trang	19/9/1999	K51C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
283	DTY1857201010048	Tàng Kiên	Cường	17/2/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
284	DTY1857201010052	Đàm Thị Hồng	Diệu	23/10/2000	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
285	DTY1857201010096	Đặng Thúy	Hằng	23/7/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
286	DTY1857201010113	Đỗ Huy	Hoàng	23/3/2000	K51D	Mường	Xã ĐBKK	70%	
287	DTY1857201010182	Tống Khánh	Linh	28/10/1999	K51D	Kinh	Con người MBNN	50%	
288	DTY1857201010206	Liễu Thị	Mẫn	17/7/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
289	DTY1857201010222	Lý Bích	Ngọc	06/02/2000	K51D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
290	DTY1857201010245	Vi Thu	Phương	11/02/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
291	DTY1857201010263	Lò Thị	Son	13/3/1999	K51D	Thái	Xã ĐBKK	70%	
292	DTY1857201010296	Nguyễn Quỳnh	Thư	24/11/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
293	DTY1857201010326	Lê Thị Quỳnh	Trang	21/11/1999	K51D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
294	DTY1857201010021	Ma Thị	Ánh	01/12/2000	K51E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
295	DTY1857201010065	Đinh Công	Dương	29/02/2000	K51E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
296	DTY1857201010072	Bùi Văn	Đạt	01/9/1998	K51E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
297	DTY1857201010203	Bàn Thị	Mai	20/04/2000	K51E	Dao	Xã ĐBKK	70%	
298	DTY1857201010220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	02/7/1999	K51E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
299	DTY1857201010257	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/04/2000	K51E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
300	DTY1857201010256	Ma Diệu	Quỳnh	18/01/1999	K51E	Dao	Xã ĐBKK	70%	
301	DTY1857201010279	Hoàng Thu	Thảo	13/5/1999	K51E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
302	DTY1857201010315	Hoàng Ngọc	Thụy	03/8/2000	K51E	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
303	DTY1857201010301	Triệu Hoài	Thương	27/9/1999	K51E	Dao	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
304	DTY1857201010367	Ma Thị	Yến	30/9/1999	K51E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
305	DTY1957201010038	Văn Tiến	Bộ	13/11/2001	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
306	DTY1957201010121	Trương Thu	Hằng	26/09/2000	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
307	DTY1957201010183	Bùi Duy	Hưng	09/7/2000	K52A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
308	DTY1957201010291	Nguyễn Thị Lê	Na	30/9/2001	K52A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
309	DTY1957201010384	Đỗ Phương	Thảo	24/7/2000	K52A	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
310	DTY1957201010440	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/12/2001	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
311	DTY1957201010450	Phùng Thùy	Trung	05/05/2000	K52A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
312	DTY1957201010268	Nông Hương	Ly	13/03/2001	K52B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
313	DTY1957201010294	Giàng Thị Quỳnh	Nga	08/8/2001	K52B	Lô Lô	Xã ĐBKK	100%	
314	DTY1957201010297	Nguyễn Vy	Nga	16/11/2001	K52B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
315	DTY1957201010305	Nguyễn Hồng	Ngọc	16/8/2001	K52B	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
316	DTY1957201010356	Lê Ngọc	Sáng	15/4/2000	K52B	Hoa	Thôn ĐBKK	70%	
317	DTY1957201010464	Hoàng Thị	Tươi	26/03/2000	K52B	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
318	DTY1957201010380	Mai Thị Thu	Thảo	05/7/2001	K52B	Kinh	Con NNCĐHH	100%	
319	DTY1957201010400	Nguyễn Hoài	Thu	21/3/2001	K52B	Kinh	Con người MBNN	50%	
320	DTY1957201010443	Ngô Tuyết	Trinh	08/11/2001	K52B	Kinh	Con người MBNN	50%	
321	DTY1957201010182	Hoàng Thị	Hưng	27/9/2000	K52C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
322	DTY1957201010227	Đinh Thị	Linh	01/8/2000	K52C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
323	DTY1957201010327	Lý Thị	Nhung	15/8/2001	K52C	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
324	DTY1957201010271	Triệu Thị	Lý	04/01/2001	K52D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
325	DTY1957201010300	Hoàng Thảo	Ngân	29/9/2000	K52D	Dao	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
326	DTY1957201010321	Ma Thị Hồng	Nhung	28/11/2000	K52D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
327	DTY1957201010334	Triệu Ngọc	Phương	02/02/2001	K52D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
328	DTY1957201010387	Lường Thị	Thảo	15/5/2000	K52D	Thái	Xã ĐBKK	70%	
329	DTY1957201010417	Sầm Thị	Thủy	28/3/2001	K52D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
330	DTY1957201010031	Nông Thị Ngọc	Ánh	15/11/2001	K52E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
331	DTY1957201010063	Vi Quách	Dũng	24/12/2001	K52E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
332	DTY1957201010223	Nông Thị Hồng	Len	19/12/2000	K52E	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
333	DTY1957201010287	Cao Thu	Minh	18/5/2000	K52E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
334	DTY1957201010317	Nông Dương	Như	11/01/2001	K52E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
335	DTY1957201010360	Thái Thị Huyền	Sương	28/8/2000	K52E	Thái	Xã ĐBKK	70%	
336	DTY1957201010026	Nguyễn Hồng Phương	Anh	19/12/2001	K52G	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
337	DTY1957201010200	Cao Thị Khánh	Huyền	17/01/2000	K52G	Sách	Xã khó khăn	100%	
338	DTY1957201010312	Hà Thị Ánh	Nguyệt	31/3/2001	K52G	Mường	Xã ĐBKK	70%	
339	DTY1957201010341	Vàng Mí	Pó	06/7/1999	K52G	Mông	Thôn ĐBKK	70%	
340	DTY1957201010348	Nguyễn Như	Quỳnh	01/8/2000	K52G	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
341	DTY1957201010364	Hà Công	Tân	20/3/2000	K52G	Thái	Xã ĐBKK	70%	
342	DTY1957201010394	Hoàng Quỳnh	Thoa	08/02/2001	K52G	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
343	DTY1957201010428	Nguyễn Huyền	Trang	25/8/2001	K52G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
344	DTY1957201010082	Quản Trọng	Đạt	13/6/2000	K52H	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
345	DTY1957201010186	Trương Thị Lan	Hương	21/02/2000	K52H	Mường	Xã ĐBKK	70%	
346	DTY1957201010401	Lò Thị Hoài	Thu	03/4/2001	K52H	Thái	Xã ĐBKK	70%	
347	DTY1957201010036	Lý Ngọc	Bảo	16/3/2000	K52I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
348	DTY1957201010314	Lăng Quang	Nhật	16/02/2001	K52I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
349	DTY1957201010377	Nông Thị Minh	Thảo	24/7/2000	K52I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
350	DTY1957201010431	Vi Thùy	Trang	20/10/2001	K52I	Thái	Xã ĐBKK	70%	
351	DTY1957201010477	Nông Quốc	Việt	23/11/2000	K52I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
352	DTY2057201010071	Đinh Thị Ngọc	Châm	19/10/2001	K53A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
353	DTY2057201010137	Ngân Văn	Duyệt	11/10/2001	K53A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
354	DTY2057201010164	Đinh Thị Thu	Hà	26/7/2002	K53A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
355	DTY2057201010262	Hoàng Thu	Huyền	11/02/2001	K53A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
356	DTY2057201010243	Hoàng Thị	Hương	20/03/2002	K53A	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
357	DTY2057201010285	Bùi Thị	Lan	04/02/2002	K53A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
358	DTY2057201010335	Lỳ Xừ	Lứ	22/02/2002	K53A	Hà Nhì	Xã ĐBKK	70%	
359	DTY2057201010353	Đàm Thị Phương	Mây	02/04/2001	K53A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
360	DTY2057201010425	Lê Thị Hồng	Phúc	30/09/2002	K53A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
361	DTY2057201010452	Cà Ngọc	Quang	07/09/2002	K53A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
362	DTY2057201010466	Đỗ Hương	Quỳnh	15/5/2022	K53A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
363	DTY2057201010486	Nguyễn Phương	Thanh	29/05/2002	K53A	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
364	DTY2057201010522	Đinh Thị	Thu	24/09/2001	K53A	Mường	Xã ĐBKK	70%	
365	DTY2057201010625	Mã Thị	Uyên	28/11/2002	K53A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
366	DTY2057201010630	Cao Đặng Thảo	Vân	17/11/2001	K53A	Thổ	Thôn ĐBKK	70%	
367	DTY2057201010061	Đoàn Đắc	Bảo	03/06/2002	K53B	Kinh	Con NHCSNTB	100%	
368	DTY2057201010306	Nguyễn Cao	Linh	15/09/2002	K53B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
369	DTY2057201010370	Tạ Hoài	Nam	02/06/2002	K53B	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
370	DTY2057201010428	Tạ Tâm	Phúc	13/01/2002	K53B	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
371	DTY2057201010450	Lương Minh	Quang	16/08/2001	K53B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
372	DTY2057201010463	Đàm Thị Hương	Quỳnh	24/09/2002	K53B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
373	DTY2057201010546	Nguyễn Cúc	Tiên	01/01/2002	K53B	Mường	Con bệnh binh 64%	100%	
374	DTY2057201010534	Nông Minh	Thuật	17/08/2001	K53B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
375	DTY2057201010639	Tạ Hoài	Việt	02/06/2002	K53B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
376	DTY2057201010655	Vi Thị Hải	Yến	07/04/2002	K53B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
377	DTY2057201010034	Nguyễn Bá Ngọc	Anh	27/01/2001	K53C	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
378	DTY2057201010148	Lò Văn	Đỉnh	11/11/2001	K53C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
379	DTY2057201010380	Đào Nguyễn	Nghĩa	29/8/2002	K53C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
380	DTY2057201010547	Hà Xuân	Tiệp	23/10/2002	K53C	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
381	DTY2057201010036	Hà Thị Phương	Anh	13/5/2002	K53D	Mường	Xã ĐBKK	70%	
382	DTY2057201010055	Bùi Thị Ngọc	Ánh	23/05/2002	K53D	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
383	DTY2057201010251	Bùi Quang	Huy	14/9/2002	K53D	Kinh	Con TB 35%	100%	
384	DTY2057201010244	Hà Thị	Hường	11/10/2002	K53D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
385	DTY2057201010378	Lê Thị Minh	Nghĩa	05/05/2002	K53D	Mường	Xã ĐBKK	70%	
386	DTY2057201010402	Hoàng Thu	Nguyệt	01/04/2001	K53D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
387	DTY2057201010414	Lường Hoàng	Nhung	30/05/2002	K53D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
388	DTY2057201010481	Nguyễn Đức	Thắng	16/09/2002	K53D	Kinh	Con bệnh binh 64%	100%	
389	DTY2057201010596	Dương Thị Thanh	Trúc	04/12/2002	K53D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
390	DTY2057201010644	Hoàng Thế	Vinh	20/10/2001	K53D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
391	DTY2057201010017	Lăng Nguyễn Hùng	Anh	25/08/2002	K53E	Lô Lô	Xã ĐBKK	100%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
392	DTY2057201010015	Nguyễn Việt Hoàng	Anh	16/11/2002	K53E	Kinh	Con TB 61%	100%	
393	DTY2057201010151	Bùi Tiến	Đức	12/06/2001	K53E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
394	DTY2057201010174	Phùng Thị	Hằng	10/9/2002	K53E	Mường	Xã ĐBKK	70%	
395	DTY2057201010441	Phùng Bích	Phương	01/12/2002	K53E	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
396	DTY2057201010449	Nguyễn Minh	Quân	31/7/2002	K53E	Kinh	Con TB 48%	100%	
397	DTY2057201010482	Nông Minh	Thắng	18/01/2001	K53E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
398	DTY2057201010092	Lý Văn	Công	08/05/2002	K53G	Dao	Xã ĐBKK	70%	
399	DTY2057201010076	Lâm Thùy	Chi	12/04/2001	K53G	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
400	DTY2057201010102	Nguyễn Thị	Diệp	04/02/2002	K53G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
401	DTY2057201010121	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/05/2002	K53G	Mường	Xã ĐBKK	70%	
402	DTY2057201010175	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	17/01/2001	K53G	Mường	Xã ĐBKK	70%	
403	DTY2057201010372	Triệu Thị	Nga	10/10/2002	K53G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
404	DTY2057201010444	Quân Trương Thảo	Phương	09/06/2002	K53G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
405	DTY2057201010541	Nguyễn Hoàng Thu	Thùy	26/08/2002	K53G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
406	DTY2057201010171	Nguyễn Thị	Hải	24/06/2002	K53H	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
407	DTY2057201010221	Lâm Thị	Huệ	17/01/2002	K53H	Sán chỉ	Thôn ĐBKK	70%	
408	DTY2057201010659	Trần Thu	Huyền	10/05/2000	K53H	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
409	DTY2057201010416	Nguyễn Hồng	Nhung	26/06/2002	K53H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
410	DTY2057201010440	Đặng Thị Thanh	Phương	02/04/2002	K53H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
411	DTY2057201010487	Bùi Phương	Thanh	23/05/2002	K53H	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
412	DTY2057201010009	Lương Thị Quỳnh	Anh	17/06/2002	K53I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
413	DTY2057201010059	Triệu Ngọc	Ánh	22/02/2001	K53I	Tày	Thôn ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
414	DTY2057201010120	Ma Thị Thùy	Dương	06/10/2001	K53I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
415	DTY2057201010302	Lò Thùy	Linh	22/06/2002	K53I	Thái	Xã ĐBKK	70%	
416	DTY2057201010327	Hà Thúy	Loan	16/01/2001	K53I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
417	DTY2057201010336	Nông Hồng	Lụa	02/11/2001	K53I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
418	DTY2057201010430	Nông Thị Minh	Phương	23/11/2001	K53I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
419	DTY2057201010465	Trần Như	Quỳnh	08/08/2001	K53I	Kinh	Con TB 66%	100%	
420	DTY2057201010535	Bùi Thị Thương	Thương	16/08/2002	K53I	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
421	DTY2057201010090	Triệu Tiến	Chuyên	21/02/2001	K53K	Dao	Xã ĐBKK	70%	
422	DTY2057201010128	Tống Đình	Duy	26/11/2001	K53K	Ngái	Thôn ĐBKK	100%	
423	DTY2057201010179	Hà Thu	Hằng	29/9/2002	K53K	Thái	Xã ĐBKK	70%	
424	DTY2057201010277	Lê Thị	Lam	10/09/2002	K53K	Tày	Xã ĐBKK	70%	
425	DTY2057201010291	Lô Thị Thùy	Linh	19/08/2002	K53K	Thái	Xã ĐBKK	70%	
426	DTY2057201010516	Trần Thanh	Thảo	05/11/2001	K53K	Thái	Xã ĐBKK	70%	
427	DTY2157201010380	Đặng Thành	Công	26/4/2003	K54A	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
428	DTY2157201010398	Nịnh Thảo	Chi	21/09/2003	K54A	Sán chỉ	Thôn ĐBKK	70%	
429	DTY2157201010660	Hứa Thị Hoài	Linh	03/11/2003	K54A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
430	DTY2157201010709	Đặng Thùy	Ly	10/5/2003	K54A	Dao	Xã ĐBKK	70%	
431	DTY2157201010290	Ngân Bá	Ngọc	18/11/2002	K54A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
432	DTY2157201010186	Hoàng Thị Như	Quỳnh	16/6/2003	K54A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
433	DTY2157201010238	Nông Bảo	Yến	20/11/2003	K54A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
434	DTY2157201010278	Tô Thị Vân	Anh	25/7/2002	K54B	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
435	DTY2157201010140	Đinh Thị	Mây	06/01/2003	K54B	Mường	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
436	DTY2157201010802	Nguyễn Bình	Nguyên	03/10/2003	K54B	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
437	DTY2157201010880	Phạm Thị Lệ	San	25/11/2003	K54B	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
438	DTY2157201010313	Đàm Thị	Thắm	23/7/2002	K54B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
439	DTY2157201010967	Hạng Thị Bảo	Thoa	18/11/2003	K54B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
440	DTY2157201011000	Dương Thùy	Trang	01/01/2003	K54B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
441	DTY2157201010825	Trương Thị Hồng	Nhung	21/01/2003	K54C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
442	DTY2157201010871	Lò Văn	Quỳnh	05/3/2003	K54C	Thái	Xã ĐBKK	70%	
443	DTY2157201010543	Nguyễn Thanh	Hoa	26/8/2003	K54D	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
444	DTY2157201010774	Hoàng Thị Kim	Ngân	12/4/2003	K54D	Thái	Xã ĐBKK	70%	
445	DTY2157201010794	Lường Thị Bảo	Ngọc	01/10/2003	K54D	Thái	Xã ĐBKK	70%	
446	DTY2157201010894	Vi Thanh	Tâm	04/9/2003	K54D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
447	DTY2157201011088	Nguyễn Sơn	Thái	16/9/2002	K54D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
448	DTY2157201010489	Vi Hương	Giang	08/8/2003	K54E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
449	DTY2157201010496	Lâm Thị Thu	Hà	11/01/2003	K54E	Sán chỉ	Thôn ĐBKK	70%	
450	DTY2157201010274	Hoàng Tùng	Lâm	14/07/2002	K54E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
451	DTY2157201010652	Bàn Ngọc	Linh	27/02/2003	K54E	Dao	Xã ĐBKK	70%	
452	DTY2157201010775	Hoàng Thị	Ngân	03/6/2001	K54E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
453	DTY2157201010155	Bùi Khánh	Ngần	13/8/2003	K54E	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
454	DTY2157201010815	Vũ Vân	Nhi	02/8/2003	K54E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
455	DTY2157201011003	Hoàng Phương	Trang	30/6/2003	K54E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
456	DTY2157201010275	Hà Thị Kiều	Trinh	21/9/2002	K54E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
457	DTY2157201010097	Trần Thị Bích	Huyền	17/4/2003	K54G	Nùng	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
458	DTY2157201010677	Nguyễn Thị	Linh	07/10/2003	K54G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
459	DTY2157201010311	Phạm Đình	Luân	25/8/2002	K54G	Dao	Xã ĐBKK	70%	
460	DTY2157201010796	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/03/2003	K54G	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
461	DTY2157201010283	Nguyễn Thị Bích	Phượng	08/6/2002	K54G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
462	DTY2157201010288	Mông Thị Hương	Thảo	13/9/2002	K54G	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
463	DTY2157201010944	Nguyễn Phương	Thảo	15/9/2002	K54G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
464	DTY2157201011026	Bàn Thị	Trúc	25/11/2003	K54G	Dao	Xã ĐBKK	70%	
465	DTY2157201010058	Lý Thị Hà	Giang	19/3/2003	K54H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
466	DTY2157201010654	Đàm Diệu	Linh	05/11/2003	K54H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
467	DTY2157201010133	Đàm Diệu	Ly	11/12/2003	K54H	Sán chỉ	Thôn ĐBKK	70%	
468	DTY2157201010751	Già Thị	Mỷ	07/3/2003	K54H	Hmông	Xã ĐBKK	70%	
469	DTY2157201010766	Hà Hằng	Nga	30/8/2003	K54H	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
470	DTY2157201010285	Ngô Thị	Phượng	21/3/2002	K54H	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
471	DTY2157201010527	Lý Thị	Hiền	17/5/2003	K54I	Pà thẻn	Xã ĐBKK	100%	
472	DTY2157201010080	Lường Thị	Hòa	01/08/2003	K54I	Thái	Xã ĐBKK	70%	
473	DTY2157201010267	Cao Đình Lương	Khang	09/12/2002	K54I	Chứt	Xã khó khăn	100%	
474	DTY2157201010127	Mùa Thị	Linh	04/02/2003	K54I	Mông	Xã ĐBKK	70%	
475	DTY2157201010264	Cao Thị Khánh	Ly	03/02/2002	K54I	Sách	Xã khó khăn	100%	
476	DTY2157201010778	Nguyễn Thái Thanh	Ngân	30/8/2003	K54I	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
477	DTY2157201010876	Thân Nguyễn Như	Quỳnh	13/01/2003	K54I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
478	DTY2157201011028	Trần Thị	Trúc	22/9/2003	K54I	Dao	Xã ĐBKK	70%	
479	DTY2157201010272	Ma Lê Anh	Đức	16/9/2002	K54K	Thổ	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
480	DTY2157201010827	Lâm Thị Châm	Oanh	07/01/2003	K54K	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
481	DTY2157201010211	Lý Thị Hoài	Thương	22/02/2003	K54K	Tày	Xã ĐBKK	70%	
482	DTY2157201010368	Nguyễn Ngọc	Ánh	09/02/2003	K54L	Kinh	Con TB 30%	100%	
483	DTY2157201010292	Lưu Thị	Biện	16/12/2022	K54L	Tày	Xã ĐBKK	70%	
484	DTY2157201010396	Ma Thùy	Chi	12/07/2003	K54L	Tày	Xã ĐBKK	70%	
485	DTY2157201010413	Nông Thùy	Dung	14/02/2002	K554	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
486	DTY2157201010276	Phạm Hương	Giang	07/5/2002	K54L	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
487	DTY2157201010061	Bàn Hoàng Thu	Hà	15/01/2003	K54L	Dao	Xã ĐBKK	70%	
488	DTY2157201010120	Dương Thùy	Linh	21/11/2003	K54L	Tày	Xã ĐBKK	70%	
489	DTY2157201010705	Nông Thị Hồng	Luyến	03/7/2003	K54L	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
490	DTY2157201010878	Vũ Diệu	Quỳnh	24/12/2003	K54L	Tày	Xã ĐBKK	70%	
491	DTY2157201010923	Hồ Bá Mạnh	Tường	15/01/2003	K54L	Thái	Con TB 28%	100%	
492	DTY2157201010295	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	22/02/2002	K54L	Sán dìu	Thôn ĐBKK	70%	
493	DTY2157201010314	Lò Hà	Vy	04/02/2002	K54L	Thái	Xã ĐBKK	70%	
494	DTY2157201010029	Hảng A	Chùng	02/02/2003	K54M	Mông	Xã ĐBKK	70%	
495	DTY2157201010850	Phạm Mai	Phương	18/4/2003	K54M	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
496	DTY2157201010491	Bùi Thị Thái	Hà	28/7/2003	K54N	Mường	Xã ĐBKK	70%	
497	DTY2157201010307	Ma Thị	Hà	30/11/2002	K54N	Tày	Xã ĐBKK	70%	
498	DTY2157201010280	Đỗ Diệu	Linh	03/12/2002	K54N	Dao	Xã ĐBKK	70%	
499	DTY2157201010747	Lương Gia	My	04/9/2003	K54N	Thái	Xã ĐBKK	70%	
500	DTY2157201010281	Lâm Bảo	Ngọc	27/12/2002	K54N	Tày	Xã ĐBKK	70%	
501	DTY2157201010810	Nghiên Thiện	Nhân	03/01/2003	K54N	Tày	Thôn ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
502	DTY2157201010187	Trần Thị Như	Quỳnh	08/9/2003	K54N	Tày	Xã ĐBKK	70%	
503	DTY2257201010088	Lý Long	Cương	11/10/2003	K55A	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
504	DTY2257201010091	Phàn Mạnh	Cường	18/08/2004	K55A	Dao	Xã ĐBKK	70%	
505	DTY2257201010261	Nông Thị Phương	Hồng	26/06/2004	K55A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
506	DTY2257201010311	Trần Thị Khánh	Huyền	11/06/2004	K55A	Sán dìu	Con TB 41%	100%	
507	DTY2257201010391	Nguyễn Đặng Quý	Linh	05/10/2003	K55A	Dao	Xã ĐBKK	70%	
508	DTY2257201010481	Phạm Vũ Ánh	Ngọc	17/05/2004	K55A	Kinh	Con nuôi NNCĐH	100%	
509	DTY2257201010561	Triệu Thị	Quỳnh	07/10/2004	K55A	Dao	Xã ĐBKK	70%	
510	DTY2257201010671	Hoàng Trung	Tuấn	23/10/2004	K55A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
511	DTY2257201010681	Nguyễn Đình	Tùng	10/05/2004	K55A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
512	DTY2257201010621	Tràng Thị	Thương	26/9/2003	K55A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
513	DTY2257201010032	Nguyễn Vân	Anh	10/07/2003	K55B	Tày	Vùng ĐBKK	70%	
514	DTY2257201010042	Đinh Thị Ngọc	Ánh	30/5/2003	K55B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
515	DTY2257201010062	Lâm Thị	Chanh	27/09/2004	K55B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
516	DTY2257201010172	Vy Thị Hương	Giang	23/07/2004	K55B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
517	DTY2257201010232	Trần Minh	Hiếu	06/09/2003	K55B	Mường	Xã ĐBKK	70%	
518	DTY2257201010300	Hà Thị	Huyên	01/01/2003	K55B	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
519	DTY2257201010322	Bế Anh	Khôi	20/05/2003	K55B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
520	DTY2257201010332	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/01/2004	K55B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
521	DTY2257201010502	Phạm Yến	Nhi	27/10/2004	K55B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
522	DTY2257201010522	Phùng Anh	Phong	06/01/2003	K55B	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
523	DTY2257201010672	Lê Anh	Tuấn	23/12/2003	K55B	Nùng	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
524	DTY2257201010243	Cao Anh	Hoàn	22/06/2004	K55C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
525	DTY2257201010323	Sộng Thị	Khua	06/10/2003	K55C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
526	DTY2257201010390	Đặng Khánh	Linh	30/05/2003	K55C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
527	DTY2257201010423	Hoàng Công	Mạnh	21/02/2004	K55C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
528	DTY2257201010553	Hoàng Thị Thanh	Quý	26/05/2004	K55C	Nùng	Thôn ĐBKK	70%	
529	DTY2257201010613	Ma Thị	Thư	07/09/2004	K55C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
530	DTY2257201010034	Tô Thị Vân	Anh	15/9/2003	K55D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
531	DTY2257201010054	Bàn Quang	Bình	21/08/2004	K55D	Dao	Xã ĐBKK	70%	
532	DTY2257201010149	Nông Tùng	Dương	24/8/2003	K55D	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
533	DTY2257201010279	Nông Mạnh	Hưng	25/9/2003	K55D	Tày	Xã ĐBKK	70%	
534	DTY2257201010514	Đinh Công	Nội	20/07/2004	K55D	Mường	Xã ĐBKK	70%	
535	DTY2257201010504	Vũ Phương	Nhi	22/03/2003	K55D	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
536	DTY2257201010105	Luân Thị Thùy	Diễm	05/06/2003	K55E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
537	DTY2257201010305	Lò Thị Thương	Huyền	03/08/2004	K55E	Thái	Xã ĐBKK	70%	
538	DTY2257201010397	Lương Thị	Lộc	18/6/2003	K55E	Thái	Xã ĐBKK	70%	
539	DTY2257201010455	Hoàng Đức	Nam	06/07/2003	K55E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
540	DTY2257201010495	Lăng Thị	Nhâm	22/11/2003	K55E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
541	DTY2257201010685	Ma Thị	Tuyết	07/01/2004	K55E	Tày	Xã ĐBKK	70%	
542	DTY2257201010036	Đinh Thị Nguyệt	Ánh	05/01/2004	K55G	Mường	Xã ĐBKK	70%	
543	DTY2257201010158	Hoàng Việt	Duy	28/10/2003	K55G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
544	DTY2257201010126	Triệu Minh	Đức	14/05/2004	K55G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
545	DTY2257201010186	Tô Thanh	Hà	21/01/2003	K55G	Tày	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
546	DTY2257201010196	Lương Thị Thu	Hằng	13/12/2004	K55G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
547	DTY2257201010398	Vũ Thắng	Lợi	15/6/2003	K55G	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
548	DTY2257201010446	Gia Đức	Minh	09/08/2003	K55G	Mông	Xã ĐBKK	70%	
549	DTY2257201010536	Quàng Văn	Phương	23/10/2004	K55G	Thái	Xã ĐBKK	70%	
550	DTY2257201010616	Ma Công	Thức	14/12/2004	K55G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
551	DTY2257201010656	Lô Thị Thùy	Trang	13/12/2003	K55G	Thái	Xã ĐBKK	70%	
552	DTY2257201010706	Kim Lâm	Vỹ	16/09/2004	K55G	Thái	Xã ĐBKK	70%	
553	DTY2257201010087	Lưu Thị Hương	Cúc	20/08/2004	K55H	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
554	DTY2257201010167	Lò Thị Quỳnh	Duyên	18/8/2003	K55H	Thái	Xã ĐBKK	70%	
555	DTY2257201010097	Hoàng Thị	Đào	20/11/2003	K55H	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
556	DTY2257201010257	Bùi Hoa	Hồng	17/09/2004	K55H	Mường	Xã ĐBKK	70%	
557	DTY2257201010287	Diệp Thị Quỳnh	Hương	08/08/2003	K55H	Sán dìu	Xã ĐBKK	70%	
558	DTY2257201010327	Lục Bích	Kiều	15/02/2004	K55H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
559	DTY2257201010597	Nông Thu	Thảo	16/11/2004	K55H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
560	DTY2257201010647	Nguyễn Thùy	Trang	25/05/2004	K55H	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
561	DTY2257201010657	Nông Thị Hiền	Trinh	31/10/2004	K55H	Tày	SV khuyết tật	100%	
562	DTY2257201010048	Quàng Thị	Băng	18/10/2004	K55I	Thái	Xã ĐBKK	70%	
563	DTY2257201010558	Lò Như	Quỳnh	27/10/2004	K55I	Thái	Xã ĐBKK	70%	
564	DTY2257201010598	Oàng Phương	Thảo	13/07/2004	K55I	Hoa	Xã ĐBKK	70%	
565	DTY2257201010039	Ma Thị Ngọc	Ánh	02/09/2004	K55K	Tày	Xã ĐBKK	70%	
566	DTY2257201010349	Bùi Ngọc	Linh	15/09/2004	K55K	Nùng	Con người mắc BNN	50%	
567	DTY2257201010489	Nguyễn Vũ Đăng	Nguyên	16/10/2004	K55K	Kinh	Con người mắc BNN	50%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
568	DTY2257201010569	Bùi Thị Thanh	Tâm	11/04/2004	K55K	Kinh	Con TB 61%	100%	
569	DTY2257201010589	Trần Viết	Thành	05/02/2004	K55K	Kinh	Mồ côi cha mẹ	100%	
570	DTY2257201010689	Trần Thị Chúc	Vân	04/01/2004	K55K	Dao	Xã ĐBKK	70%	
571	DTY2257201010050	Nguyễn Lâm	Bảo	27/10/2004	K55L	Tày	Xã ĐBKK	70%	
572	DTY2257201010570	Đinh Thị Thanh	Tâm	01/04/2004	K55L	Mường	Xã ĐBKK	70%	
573	DTY2257201010600	Vũ Thị Thanh	Thảo	17/06/2004	K55L	Thái	Xã ĐBKK	70%	
574	DTY2357201010121	Thào Thị	Dung	05/02/2005	K56A	H'mông	Xã ĐBKK	70%	
575	DTY2357201010321	Hà Hoài	Linh	13/01/2005	K56A	Thái	Xã ĐBKK	70%	
576	DTY2357201010361	Hoàng Thảo	Ly	12/01/2005	K56A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
577	DTY2357201010617	Đỗ Thu	Vân	09/07/2004	K56A	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
578	DTY2357201010633	Chẩu Thanh	Xuân	07/12/2005	K56A	Tày	Xã ĐBKK	70%	
579	DTY2357201010074	Nguyễn Bảo	Châm	24/10/2005	K56B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
580	DTY2357201010106	Nguyễn Ngọc	Diệu	09/10/2004	K56B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
581	DTY2357201010146	Đặng Hồng	Duyên	14/12/2004	K56B	Dao	Xã ĐBKK	70%	
582	DTY2357201010298	Đàm Trung	Kiên	10/06/2006	K56B	Kinh	Con TB 21%	100%	
583	DTY2357201010610	Trương Thị	Tuyết	18/10/2004	K56B	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
584	DTY2357201010514	Triệu Ngọc	Thảo	10/01/2005	K56B	Dao	Xã ĐBKK	70%	
585	DTY2357201010538	Nguyễn Quang	Thưởng	09/01/2004	K56B	Tày	Xã ĐBKK	70%	
586	DTY2357201010634	Vi Thị May	Xuyến	11/06/2005	K56B	Thái	Xã ĐBKK	70%	
587	DTY2357201010091	Nguyễn Quang	Cường	24/06/2005	K56C	Kinh	Con người mắc BNN	50%	
588	DTY2357201010123	Bùi Tiến	Dũng	21/03/2004	K56C	Mường	Xã ĐBKK	70%	
589	DTY2357201010147	Giàng Thị	Duyên	28/01/2005	K56C	Mông	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
590	DTY2357201010107	Sùng A	Đông	19/08/2005	K56C	Mông	Xã ĐBKK	70%	
591	DTY2357201010251	Phạm Thị	Hương	11/06/2005	K56C	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
592	DTY2357201010443	Ma Tuyết	Nhung	21/01/2005	K56C	Tày	Xã ĐBKK	70%	
593	DTY2357201010236	Trần Thị Ánh	Hồng	09/02/2005	K56D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
594	DTY2357201010380	Ngô Thị Hiền	Minh	01/11/2005	K56D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
595	DTY2357201010444	Phạm Hồng	Nhung	18/6/2005	K56D	Kinh	Con người MBNN	50%	
596	DTY2357201010481	Ngô Đinh Ánh	Quỳnh	11/03/2005	K56D	Nùng	Con người bị TNLĐ	50%	
597	DTY2357201010540	Chu Thanh	Thủy	22/02/2004	K56D	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
598	DTY2357201010573	Lò Thị	Trang	03/8/2005	K56E	Thái	Xã ĐBKK	70%	
599	DTY2357201010533	La Quỳnh	Thư	26/01/2005	K56E	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
600	DTY2357201010022	Lý Hải	Anh	06/07/2005	K56G	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
601	DTY2357201010142	Nguyễn Hoàng	Duy	08/01/2005	K56G	Tày	Vùng ĐBKK	70%	
602	DTY2357201010190	Trương Lễ	Hằng	19/06/2005	K56G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
603	DTY2357201010238	Phùng Thị	Huế	20/02/2002	K56G	Tày	Thôn ĐBKK	70%	
604	DTY2357201010446	Vừ Thị	Nu	07/04/2004	K56G	H'mông	Thôn ĐBKK	70%	
605	DTY2357201010438	Từ Quỳnh	Như	20/3/2005	K56G	Kinh	Con người TNLĐ	50%	
606	DTY2357201010574	Lường Hoàng Hoài	Trang	30/5/2005	K56G	Tày	Xã ĐBKK	70%	
607	DTY2357201010023	Lý Hoàng	Anh	11/06/2005	K56H	Sán chỉ	Thôn ĐBKK	70%	
608	DTY2357201010143	Nguyễn Khánh	Duy	03/01/2005	K56H	Tày	Xã ĐBKK	70%	
609	DTY2357201010295	Bàn Mùi	Khe	18/07/2005	K56H	Dao	Xã ĐBKK	70%	
610	DTY2357201010319	Đinh Thị Diệu	Linh	24/07/2005	K56H	Mường	Thôn ĐBKK	70%	
611	DTY2357201010471	Lường Thị Kim	Phượng	06/05/2005	K56H	Thái	Xã ĐBKK	70%	

STT	Mã số SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng		Mức miễn giảm	Ghi chú
612	DTY2357203010280	Nông Khánh	Huyền	09/10/2005	K56I	Nùng	Xã ĐBKK	70%	
613	DTY2357201010360	Đường Thị Vân	Ly	03/08/2005	K56I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
614	DTY2357201010400	Đoàn Thị Kim	Nga	03/03/2004	K56I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
615	DTY2357201010424	Dương Thị	Nguyệt	09/07/2005	K56I	Tày	Xã ĐBKK	70%	
616	DTY2357201010472	Hoàng Trần Anh	Quân	05/12/2005	K56I	Tày	Xã ĐBKK	70%	

Ấn định danh sách gồm 616 sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí